TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 789/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2022.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên toà: Không.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 190/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 38, đường BL, Ấp 4, xã PVC, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 61/4, đường số 626, ấp MCĐ, xã PH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng L trình bày như sau:

Bà và ông Đ có tìm hiểu nhau vào năm 2016. Đến năm 2018, cả hai tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng

nhận kết hôn số 13 ngày 29/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống cùng gia đình chồng. Về chung sống giữa bà và gia đình cũng xảy ra mâu thuẫn, bà bị mắng chửi, không được chồng che chở để mặc bà giải quyết những vấn đề phát sinh trong gia đình. Trong thời gian sinh con, bà cũng phải tự lo mọi thứ, không được chồng giúp đỡ. Tháng 6 năm 2021, do mâu thuẫn với gia đình chồng, bà trở về nhà cha mẹ ruột ở xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi để sinh sống và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà nhận thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, bà xin ly hôn với ông Đức.

Về con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung tên Nguyễn Song Ngân H, sinh ngày 11/10/2018. Bà hiện đang đi làm, công việc ổn định, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Bà xin trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ đơn xin ly hôn ghi ngày 03 tháng 12 năm 2021, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Đ có nơi cư trú tại Số 61/4, đường số 626, ấp MCĐ, xã PH, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L:

Bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Hữu Đ tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 29/01/2018, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Bà L trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống cùng gia đình chồng. Về chung sống giữa bà và gia đình cũng xảy ra mâu thuẫn, bà bị mắng chửi, không được chồng che chở để mặc bà giải quyết những vấn đề phát sinh trong gia đình. Trong thời gian sinh con, bà cũng phải tự lo mọi thứ, không được chồng giúp đỡ. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021,

không còn chung sống cùng nhà. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà xin ly hôn với ông Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh. Tuy nhiên, bị đơn ông Đ vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông đối với vụ kiện. Qua đó đã thể hiện ông Đ không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đồng thời, bà L xác định bà và ông Đ đã sống ly thân, không còn ở cùng nhà. Xét thấy, bà L và ông Đ không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Bà L và ông Đ có 01 con chung tên Nguyễn Song Ngân H, sinh ngày 11/10/2018. Bà L cũng có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Do ông Đ vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông Đ đối với con chung. Nhằm tạo điều kiện để cháu Hà phát triển bình thường cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, sau khi xem xét về điều kiện để nuôi con của bà L, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Hà cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5]. Về tài sản chung: Bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp. Tuy nhiên, do bị đơn ông Đ vắng mặt tại phiên tòa, nếu ông Đ có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự , Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí,

lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Hữu Đ.

2. Về con chung:

Giao bà L được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Song Ngân H, sinh ngày 11/10/2018. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Bà L xác định không có. Do ông Đ vắng mặt, nếu ông Đ có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0043589 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
-UBND xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Túy Phượng